TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106 /2023/DS-ST.

Ngày: 24-4-2023.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa**.

2. Bà **Trần Kim Chi**.

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà**: Ông Nguyễn Văn Quí – kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-DS ngày 22/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2023/QĐST-DS ngày 07/4/2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: - Nguyễn Minh T, sinh năm 1975.

- Trần Thị Út G, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn: - Trần Văn H, sinh năm 1962.

- Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện G.

Địa chỉ: thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

(Ông T có mặt, bà G có mặt; ông vắng mặt, bà vắng mặt, ngân hàng có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Minh T, bà Trần Thị Út G trình bày**:

Ngày 15/4/2017, vợ chồng ông bà có cho vợ chồng ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hồng L vay số tiền là 122.000.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu đồng), vay để cho con đi du học nước ngoài, hai bên có lập Giấy mượn tiền ngày 15/4/2017 do bà Nguyễn Thị Hồng L viết và ký tên.

Vào ngày 20/4/2017, vợ chồng ông bà lại tiếp tục cho ông H và bà L vay số

tiền 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay để cho con đi du học nước ngoài, hai bên có lập biên nhận ngày 20/4/2017 do bà L viết và ký tên.

Sau đó, ngày 10/4/2018 vợ chồng ông H và bà L năn nỉ vợ chồng ông bà vay dùm số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay vẫn để cho con du học nước ngoài. Để có số tiền này, vợ chồng ông H và bà L nhờ vợ chồng ông bà vay dùm tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V– chi nhánh huyện G theo hợp đồng tín dụng số 1816THBN 3330 (6905-LAV-201802648) với số tiền là 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Tổng cộng số tiền ông H và bà L vay của vợ chồng ông bà là 522.000.000đồng (năm trăm hai mươi hai triệu đồng).

Từ khi vay đến nay, vợ chồng ông H và bà L không không có trả số tiền nào, nhiều lần ông bà gặp vợ chồng ông H và bà Lđể yêu cầu trả nợ thì ông H và bà L lẫn tránh không trả.

Nay ông bà khởi kiện yêu cầu:

-Yêu cầu ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hồng L trả cho vợ chồng ông bà số tiền còn nợ là 522.000.000 đồng (năm trăm hai mươi hai triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

* Bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hồng L vắng mặt, ông H, bà L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H, bà L vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện G, tỉnh T trình bày:**

Qua kiểm tra dữ liệu tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V– chi nhánh huyện G thì ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Út G có vay vốn tại Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng, nhận thấy quá trình quan hệ tín dụng ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Út G có uy tín tín dụng, có khả năng trả nợ đúng thỏa thuận trên các hợp đồng tín dụng và khoản vay của ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Út G chưa đến hạn thanh toán. Vì vậy, ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V chi nhánh huyện G không có ý kiền gì đối với các yêu cầu của người khởi kiện và không tham gia vụ kiện. Ngân hàng xin được vắng mặt trong suốt thời gian giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa;

+ Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T, bà Trần Thị Út G có thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ông T và bà G yêu cầu ông H và bà L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông bà số tiền nợ là 272.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

Ông T và bà G xin được rút lại yêu cầu không yêu cầu ông H và bà L cùng trả số tiền nợ là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

+ Bị đơn ông H và bà L vắng mặt.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng có đơn xin vắng mặt.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G có ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Minh T, bà Trần Thị Út G và ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Hồng L là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Hồng L vắng mặt, ông H và bà L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn không đến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn V– chi nhánh huyện G, tỉnh T có đơn xin vắng mặt xét xử nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà L và ngân hàng.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Út G, yêu cầu: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hồng L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T và bà G số tiền nợ là 272.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi hai triệu đồng) là có cơ sở, bởi lẻ: Ông T, bà G khởi kiện dựa trên tài liệu, chứng cứ là: "Giấy mượn tiền ngày 15/4/2017 có chữ ký tên xác nhận của bà Nguyễn Thị Hồng L, có nội dung: Tôi tên Nguyễn Thị Hồng L. Hiện ngụ tại xã B, huyện G, tôi có nhờ vợ chồng T, Út G mượn dùm số tiền 122.000.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu đồng chẵn) (BL 63). Đồng thời, tại Biên nhận ngày 20/4/2017, có chữ ký tên xác nhận nợ của bà Nguyễn Thị Hồng L thể hiện nội dung: Tôi tên: Nguyễn T Hồng L. Hiện ngụ tại ấp B, xã B, huyện G. Tôi có nhờ vợ chồng T và Út G mượn dùm số tiền 150.000.000 (Một trăm năm chục triệu đồng chẵn). Tổng cộng số tiền của Biên nhận và Giấy mượn tiền trên là 272.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi hai triệu đồng), số tiền này ông T, bà Út G xác định cho ông H, bà L vay là để cho con đi du học nước ngoài. Tại biên bản xác minh ngày 21/3/2023 (BL 84) thể hiện: "Ông Trần Văn H, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1965 là vợ chồng, ông H và bà L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T do ông H là chủ hộ". Do đó, cho thấy việc ông T và bà G yêu cầu ông H, bà L cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ là 272.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi hai triệu đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định nên được chấp nhận.

[4]. Đối với số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), ông T và bà G trình bày ông bà đi vay ngân hàng rồi cho ông H, bà L vay lại để cho

con đi du học, ông T và bà G xin được rút lại yêu cầu này. Xét đây là sự tự nguyện của ông T, bà G nên được chấp nhận.

[5]. Xét yêu cầu trả lãi: Ghi nhận việc ông T và bà G không yêu cầu ông H và bà L trả lãi của số tiền 272.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi hai triệu đồng), đây là sự tự nguyện của ông T và bà G, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông H, bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Út G.

- Buộc ông Trần Văn và bà Nguyễn Thị Hồng L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Út G số tiền là 272.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi hai triệu đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông T, bà G cho đến khi thi hành án xong, ông H và bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

-Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Út G về việc yêu cầu ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hồng L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T, bà G số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu số tiền là 13.600.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho ông Nguyễn Minh T, bà Trần Thị Út G số tiền là 12.440.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0026845 ngày 16/02/2023 của chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng ông H, bà L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh